

Số: 3267 /TB-ĐHCT

Cần Thơ, ngày 11 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc triển khai giảng dạy học phần Năng lực số (CT888, CT990)
học kỳ 1 năm học 2025-2026

Trường Đại học Cần Thơ thông báo triển khai giảng dạy học phần Năng lực số (CT888, CT990) đến học viên cao học khóa 2025-2027, cụ thể như sau:

1. Lịch học và danh sách phân nhóm học viên: được đính kèm theo thông báo này bao gồm học viên khóa 2025-2027 các ngành trúng tuyển đợt 1 (trừ học viên cao học các ngành thuộc Trường Kinh tế) và các học viên cao học ngành Triết học khóa 2025-2027 trúng tuyển đợt 2.
2. Địa điểm giảng dạy: phòng máy tính tại Trường Công nghệ Thông tin và Truyền thông.
3. Hình thức giảng dạy: trực tiếp trên máy tính.
4. Yêu cầu đối với học viên: học viên cần tham dự đầy đủ các buổi học, tuân thủ nghiêm túc thời gian và quy định do giảng viên phụ trách lớp đề ra.

Trường Đại học Cần Thơ trân trọng thông báo đến các đơn vị đào tạo và học viên cao học biết và thực hiện theo thông báo này.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Đơn vị đào tạo;
- Học viên cao học;
- Website KSDH;
- Lưu: VT, KSDH.



Lê Văn Lâm



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHÓA BIỂU HỌC PHẦN NĂNG LỰC SỐ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026

Năng lực số A (CT888), Ký hiệu nhóm ngày thường NTAx, ngoài giờ CTAx

Năng lực số B (CT990), Ký hiệu nhóm ngày thường NTBx, ngoài giờ CTBx

Hình thức giảng dạy: trực tiếp trên máy tính

Thời gian giảng dạy: Buổi sáng: 7 giờ, Buổi chiều: 13 giờ 30 phút

Phòng học: P2xx/DI : Phòng máy tính tại Trường Công nghệ Thông tin và truyền thông

LABx/NĐH : Phòng máy tính tại Tầng 7 Nhà điều hành

TT	Mã số HP	Mã nhóm	Sĩ số	GVGD	MSCB	Lịch giảng dạy trong HK1 NH 2025-2026	Phòng học
1	CT888	CTA1	30	TS. Trương Xuân Việt	8456	Buổi sáng và chiều các ngày 4/10, 11/10, 18/10, 25/10, 1/11	P212/DI
2	CT888	NTA1	37	TS. Trương Minh Thái	520	Buổi chiều các ngày: 2/10, 9/10, 16/10, 23/10, 30/10, 6/11, 13/11, 27/11, 4/12	P212/DI
3	CT888	NTA2	35	TS. Mã Trường Thành	2937	Buổi chiều các ngày: 15-16/10, 22-23/10, 29-30/10, 5-6/11, 12/11	P213/DI
4	CT888	NTA3	31	TS. Nguyễn Hữu Vân Long	2367	Buổi sáng các ngày: 10/10, 17/10, 24/10, 31/10, 7/11, 14/11, 21/11, 28/11, 5/12	P212/DI
5	CT990	CTB1	23	TS. Phạm Thị Ngọc Diễm	1353	Buổi sáng và chiều các ngày 29/11, 6-7/12, 13-14/12	P219/DI
6	CT990	CTB2	30	TS. Trương Quốc Định	1531	Buổi sáng và chiều các ngày 4/10, 11/10, 25/10, 1/11, 8/11	LAB2/NĐH
7	CT990	CTB3	27	PGS.TS. Nguyễn Thái Nghe	1352	Buổi sáng và chiều các ngày 6-7/12, 13-14/12	P220/DI
8	CT990	CTB4	34	TS. Hà Duy An	2366	Buổi sáng và chiều các ngày 4/10, 11/10, 18/10, 25/10, 1/11	LAB3/NĐH
9	CT990	CTB5	28	TS. Trần Thanh Điện	1324	Buổi sáng và chiều các ngày 05/10, 12/10, 19/10, 26/10, 02/11	LAB2/NĐH



TT	Mã số HP	Mã nhóm	Sĩ số	GVGD	MSCB	Lịch giảng dạy trong HK1 NH 2025-2026	Phòng học
10	CT990	NTB1	36	TS. Triệu Thanh Ngoan	2481	Buổi chiều các ngày: 10/10, 17/10, 24/10, 31/10, 7/11, 14/11, 21/11, 5/12, 12/12	P214/DI
11	CT990	NTB2	30	TS. Phan Phương Lan	1232	Buổi sáng và chiều các ngày 17/11, 24/11, 1/12, 8/12, 15/12	P214/DI
12	CT990	NTB2B	27	TS. Nguyễn Thanh Khoa	2995	Buổi sáng các ngày: 26/9, 3/10, 10/10, 17/10, 24/10, 31/10, 7/11, 14/11, 21/11	P103/DI
13	CT990	NTB3	39	TS. Trần Thanh Điền	1323	Buổi sáng các ngày: 14/10, 21/10, 28/10, 4/11, 11/11, 18/11, 25/11, 2/12, 9/12	P214/DI
14	CT990	NTB4	29	TS. Lưu Tiến Đạo	2805	Buổi sáng các ngày: 1/10, 8/10, 15/10, 22/10, 29/10, 5/11, 12/11, 19/11, 26/11	P212/DI
15	CT990	NTB5	15	TS. Lâm Chí Nguyễn	1708	Buổi chiều các ngày: 24/9, 1/10, 8/10, 15/10, 22/10, 29/10, 5/11, 12/11, 19/11	P220/DI





DANH SÁCH PHÂN NHÓM HỌC PHẦN NĂNG LỰC SỐ HK 1 NĂM HỌC 2025-2026

TT	Ngành	MS HP	Tên HP	Tổng số HV	Ngày thường	Cuối tuần	Nhóm
1	Kỹ thuật điện (định hướng ứng dụng)	CT888	Năng lực số A	5		5	CTA1
2	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy (định hướng nghiên cứu)	CT888	Năng lực số A	6		6	CTA1
3	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (định hướng ứng dụng)	CT888	Năng lực số A	8		8	CTA1
4	Kỹ thuật xây dựng (định hướng nghiên cứu)	CT888	Năng lực số A	11		11	CTA1
5	Công nghệ sinh học (định hướng nghiên cứu)	CT888	Năng lực số A	20	20		NTA1
6	Công nghệ thực phẩm (định hướng nghiên cứu)	CT888	Năng lực số A	7	7		NTA1
7	Khoa học cây trồng (định hướng nghiên cứu)	CT888	Năng lực số A	10	10		NTA1
8	Toán ứng dụng (định hướng nghiên cứu)	CT888	Năng lực số A	8	8		NTA2
9	Thú y (định hướng nghiên cứu)	CT888	Năng lực số A	11	11		NTA2
10	Quản lý tài nguyên và môi trường (định hướng nghiên cứu)	CT888	Năng lực số A	16	16		NTA2
11	Hóa học (định hướng nghiên cứu)	CT888	Năng lực số A	11	11		NTA3
12	Vật lý lý thuyết và vật lý toán (định hướng nghiên cứu)	CT888	Năng lực số A	9	9		NTA3
13	Kỹ thuật hóa học (định hướng nghiên cứu)	CT888	Năng lực số A	11	11		NTA3
14	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh) (định hướng nghiên cứu)	CT990	Năng lực số B	23		23	CTB1
15	Luật (định hướng ứng dụng)	CT990	Năng lực số B	30		30	CTB2
16	Luật kinh tế (định hướng ứng dụng)	CT990	Năng lực số B	27		27	CTB3
17	Quản lý đất đai (định hướng nghiên cứu)	CT990	Năng lực số B	11		11	CTB4
18	Luật (định hướng nghiên cứu)	CT990	Năng lực số B	23		23	CTB4
19	Quản lý giáo dục (định hướng nghiên cứu)	CT990	Năng lực số B	28		28	CTB5
20	Chính sách công (định hướng nghiên cứu)	CT990	Năng lực số B	6	6		NTB1
21	Triết học (định hướng nghiên cứu) đợt 1+2	CT990	Năng lực số B	30	30		NTB1
22	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Tiếng Anh) (định hướng nghiên cứu)	CT990	Năng lực số B	57	57		NTB2, NTB2B
23	Ngôn ngữ Anh (định hướng nghiên cứu)	CT990	Năng lực số B	21	21		NTB3



TT	Ngành	MS HP	Tên HP	Tổng số HV	Ngày thường	Cuối tuần	Nhóm
24	Văn học Việt Nam (định hướng nghiên cứu)	CT990	Năng lực số B	18	18		NTB3
25	Lý luận và phương pháp dạy học (định hướng nghiên cứu)	CT990	Năng lực số B	29	29		NTB4
26	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Toán) (định hướng nghiên cứu)	CT990	Năng lực số B	9	9		NTB5
27	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (Văn và tiếng Việt) (định hướng nghiên cứu)	CT990	Năng lực số B	6	6		NTB5

